

Số: 1728 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 10 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019, huyện Bá Thước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII: Số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 về việc chấp thuận Danh mục dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2019; số 160/NQ-HĐND ngày 04/4/2019 về việc chấp thuận bổ sung Danh mục dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích đất lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá năm 2019;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Bá Thước tại Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 8/3/2019;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 459/TTr-STNMT ngày 07/5/2019, kèm theo Báo cáo thẩm định số 94/BC-STNMT ngày 07/5/2019 về việc thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2019, huyện Bá Thước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019, huyện Bá Thước với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
	Tổng diện tích		77.757,20
1	Đất nông nghiệp	NNP	70.202,84
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.523,31
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.031,05

(Chi tiết có Phụ biểu số 01 kèm theo)

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

TT	Chỉ Tiêu	Mã	Diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	44,28
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	13,88
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	13,01
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	4,02
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	0,09
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	26,02
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,27
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		4,99

(Chi tiết có Phụ biểu số 02 kèm theo)

3. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
	Tổng cộng		46,09
1	Đất nông nghiệp	NNP	43,87
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2,22

(Chi tiết có Phụ biểu số 03 kèm theo)

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
	Tổng cộng		0,02
1	Đất nông nghiệp	NNP	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,02

(Chi tiết có Phụ biểu số 04 kèm theo)

5. Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2019: Chi tiết có Phụ biểu số 05 kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Theo dõi, triển khai, tổ chức thực hiện Quyết định của UBND tỉnh; thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Bá Thước.

- Chủ trì, phối hợp với UBND huyện Bá Thước để tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục, hồ sơ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng tự nhiên theo đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật và nội dung kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện theo đúng thời gian quy định.

2. Ủy ban nhân dân huyện Bá Thước

- Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật và nội dung, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục, hồ sơ chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng hoặc đất có rừng tự nhiên để báo cáo UBND tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo đúng quy định của pháp luật và thẩm quyền.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất; đồng thời cân đối, huy động các nguồn lực để thực hiện đảm bảo tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả của kế hoạch sử dụng đất năm 2019.

- Chấp hành pháp luật đất đai và các quy định của pháp luật chuyên ngành khác có liên quan; quyết định đưa đất vào sử dụng đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và trước pháp luật.

- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và PTNT; UBND huyện Bá Thước và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (t/hiện);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, NN.

(MCI 18.5.19)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

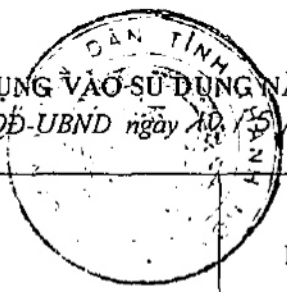
KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019 HUYỆN BÁ THƯỚC
(Kế hoạch được đính số 128/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Chi tiêu sử dụng	Mã	Tổng Diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp xã																				
				TT Cảnh Nang	Xã Điền Thượng	Xã Điền Hạ	Xã Điền Quang	Xã Điền Trung	Xã Thành Sơn	Xã Lương Ngoại	Xã Ái Thương	Xã Lương Nội	Xã Điền Lư	Xã Lương Trung	Xã Lương Niêm	Xã Lương Cao	Xã Hợp Trang	Xã Cổ Lũng	Xã Thành Lâm	Xã Ban Công	Xã Thiết Ống	Xã Lâm Xá	Xã Thiết Kế	Xã Tân Lập
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	44,28	0,01	3,84	1,20	0,20	2,06	0,20		2,05	0,17	0,81	0,31	0,32	0,39	0,70	3,55	0,10	16,06	9,27	2,33		0,71
1.1	Đất trồng lúa	LUA	13,88		1,34	0,40	0,16	1,76			0,54	0,17	0,58	0,22	0,32	0,35	0,70	0,47	0,10	1,86	3,21	1,32		0,40
	Đất chuyển trồng lúa nước	LUC	13,01		1,34	0,40	0,16	1,76				0,17	0,58	0,22	0,30	0,19	0,70	0,42		1,86	3,21	1,32		0,40
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	4,02	0,01	0,30	0,50	0,01	0,20	0,20		0,52	0,01	0,01											
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLNP/PNN	0,09																					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN												0,09										
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN																						
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	26,02		2,20	0,30		0,10			0,99					0,04	2,30			14,20	5,40	0,49		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,27				0,04																	
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN												0,23										
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN																						
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		4,99											4,99										
	Trang ở																							
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN																						
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP																						
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS																						
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU																						
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS																						
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU																						
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR (a)																						
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR (a)																						
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	4,99										4,99											
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,52							0,35					0,11					0,05			0,01	

Phụ biểu số 04:

KẾ HOẠCH ĐUA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2019 CỦA HUYỆN BÁ THƯỚC

(Kèm theo Quyết định số : 1728 /QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)



TT	Chỉ tiêu sử dụng	Mã	Tổng diện tích (ha)	Xã Điền Lư
1	Đất nông nghiệp	NNP		
1.1	Đất trồng lúa	LUA		
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN		
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS		
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,02	0,02
2.1	Đất quốc phòng	CQP		
2.2	Đất an ninh	CAN		
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất khu chế xuất	SKT		
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN		
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		
2.7	Đất cơ sở sản xuất PNN	SKC		
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động KS	SKS		
2.9	Đất PT hạ tầng cấp Quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,02	0,02
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT		
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT		
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT		
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC		
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON		
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD		
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX		
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN		
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON		
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		

Phụ biểu số 05:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019

HUYỆN BÁ THƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 1728 /QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Hạng mục	Diện tích thực hiện Kế hoạch năm 2019 (ha)	Địa điểm (xã, thị trấn)
I	Dự án Khu dân cư nông thôn	5,68	
1	Đầu giá Quyền SDD thôn Ba, Ban Công	0,86	Ban Công
2	Đầu giá Quyền SDD tại thôn Vận Tải, xã Lâm Xa	0,79	Lâm Xa
3	Đầu giá Quyền SDD tại thôn Tráng, xã Lâm Xa	0,60	Lâm Xa
4	Đầu giá Quyền SDD tại xã Lũng Niêm	0,09	Lũng Niêm
5	Đầu giá Quyền SDD tại xã Lương Trung	0,09	Lương Trung
6	Đầu giá Quyền SDD tại xã Điền Trung (MBQH1)	0,51	Điền Trung
7	Đầu giá Quyền SDD tại xã Điền Trung (MBQH2)	1,15	Điền Trung
8	Đầu giá Quyền SDD tại xã Lương Ngoại	0,35	Lương Ngoại
9	Đầu giá Quyền SDD tại xã Cỏ Lũng	0,11	Cỏ Lũng
10	Đầu giá Quyền SDD tại xã Ái Thượng	0,54	Ái Thượng
10	Bổ trí tái định cư cho các hộ dân phải di dời sau thiên tai trên địa bàn huyện Bá Thước	0,06	Lũng Cao
11	Bổ trí tái định cư cho các hộ dân phải di dời sau thiên tai trên địa bàn huyện Bá Thước	0,19	Cỏ Lũng
12	Bổ trí tái định cư cho các hộ dân phải di dời sau thiên tai trên địa bàn huyện Bá Thước	0,34	Lũng Niêm
II	Công trình, dự án trụ sở cơ quan	0,25	
1	Xây dựng công sở xã Lâm Xa	0,25	Lâm Xa
III	Dự án trụ sở cơ quan tổ chức sự nghiệp	0,17	
1	Xây dựng Trạm Kiểm lâm thôn Nứa thuộc Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông	0,15	Lũng Cao
2	Trạm bảo vệ rừng Trung Chấn	0,02	Điền Thượng
IV	Dự án công trình giao thông	19,45	
	Công trình đăng ký năm 2019	5,40	
1	Công trình cầu dân sinh thôn Sát, xã Ban Công (thuộc dự án LRAMP).	0,02	Ban Công
2	Công trình xây dựng Cổng thôn Bà bắc qua suối Chiềng, thôn Bà, xã Điền Thượng (thuộc dự án LRAMP)	0,04	Điền Thượng
3	Công trình cầu dân sinh Tân Lập (thuộc dự án LRAMP)	0,08	Lâm Xa
4	Đường giao thông nông thôn xã Lương Nội	0,16	Lương Nội
5	Nối tiếp đường giao thông từ làng Khuyn, xã Cỏ Lũng đi xã Tự Do, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình	2,30	Cỏ Lũng
6	Nối tiếp đường giao thông từ Quốc lộ 217 xã Điền Trung, Điền Hạ, huyện Bá Thước đi huyện Cẩm Thủy (NQ30a)	1,30	Điền Hạ
7	Nối tiếp đường giao thông từ QL217 xã Điền Trung, Điền Hạ, huyện Bá Thước đi huyện Cẩm Thủy (NQ30a)	0,50	Điền Trung
8	Nối tiếp đường giao thông từ QL217 xã Điền Trung, Điền Hạ, huyện Bá Thước đi huyện Cẩm Thủy (NQ30a)	1,00	Điền Thượng
	Công trình trong năm 2018 chuyển tiếp sang	14,05	
1	Đường giao thông Điền Thượng- Thiết Ống	3,00	Điền Thượng, Thiết
2	Đường giao thông Điền Thượng- Thiết Ống	3,60	Điền Thượng, Thiết
3	Đường giao thông Ban Công- Thiết Ống	3,00	Ban Công- Thiết Ống
4	Đường giao thông Ban Công- Thiết Ống	3,00	Ban Công- Thiết Ống
5	Đường giao thông Tân Lập	0,75	Tân Lập
6	Đường giao thông xã Hạ Trung	0,70	Hạ Trung
V	Dự án công trình thủy lợi	0,22	

TT	Hạng mục	Diện tích thực hiện Kế hoạch năm 2019 (ha)	Địa điểm (xã, thị trấn)
1	Nâng cấp đập Bai Đổng xã Lương Trung	0,22	Lương Trung
VI	Di tích lịch sử văn hóa	1,86	
1	Dự án khu lưu niệm nơi thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên huyện Bá Thước	0,81	Điền Lư
2	Nhà bia tưởng niệm xã Cổ Lũng	1,05	Cổ Lũng
VII	Công trình thể dục thể thao	0,40	
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã Thành Sơn	0,20	Thành Sơn
2	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao xã Lâm Xa	0,20	Lâm Xa
VIII	Dự án cơ sở tôn giáo	2,30	
1	Xây dựng Chùa Giổi	1,81	Ái Thượng
2	Xây dựng Chùa Giổi	0,49	Lâm Xa
IX	Dự án, công trình giáo dục	0,58	
1	Trường THCS Lũng Cao	0,07	Lũng Cao
2	Mở Rộng trường THCS xã Thành Lâm	0,10	Thành Lâm
3	Mở trường Mầm non khu Cao Sơn (khu vực Sơn - Bá - Mười)	0,17	Lũng Cao
4	Mở rộng trường Tiểu học 2 xã Lũng Cao (khu Kịt)	0,03	Lũng Cao
5	Mở rộng Trường Mầm non Lũng Cao (thôn Cao)	0,21	Lũng Cao
X	Cụm Công nghiệp	0,73	
1	Nhà máy gạch không nung và chế biến Lâm sản tại Cụm Công nghiệp Thiết Ống	0,73	Thiết Ống
XI	Dự án năng lượng	0,06	
1	Chống quá tải lưới điện xã Thiết Ống Điện lực Bá Thước	0,01	Thiết Ống
2	Chống quá tải lưới điện xã Điền Lư Điện lực Bá Thước	0,01	Điền Lư
3	Chống quá tải lưới điện xã Điền Quang Điện lực Bá Thước	0,01	Điền Quang
4	Chống quá tải lưới điện thị trấn Cảnh Nàng Điện lực Bá Thước	0,01	Cảnh Nàng
5	Dự án chống quá tải điện (Điện lực Lang Chánh)	0,01	
6	Chống quá tải lưới điện thị trấn Lương Nội, Điện lực Bá Thước	0,01	Lương Nội
XII	Dự án Bãi rác	2,00	
1	Bãi rác xã Thiết Ống	2,00	Xã Thiết Ống
XIII	Danh mục công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất	5,65	
1	Cửa hàng xăng dầu tại xã Điền Quang	0,19	Điền Quang
2	Cửa hàng xăng dầu tại xã Tân Lập	0,11	Tân Lập
3	Cửa hàng xăng dầu xã Ái Thượng	0,30	Ái Thượng
3	Trang trại chăn nuôi bò thịt chất lượng cao tại xã Lương Trung	4,99	Lương Trung
4	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất TMDV sang đất ở	0,01	Thiết Kế
5	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất TMDV sang đất ở	0,05	Thiết Ống